CHUYÊN ĐỀ

***TRAO ĐỔI MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÍ CẤP THCS***

***A/ ĐẶT VẤN ĐỀ:***

Trong những năm gần đây, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi nói chung và bồi dưỡng môn Địa lí để tham gia dự thi HSG cấp huyện và cấp tỉnh nói riêng đã được sự quan tâm, lo lắng của các cấp lãnh đạo Phòng Giáo dục và Ban Giám hiệu ở các trường THCS, đặc biệt là các thầy, cô trực tiếp bồi dưỡng môn Địa lí. Bởi lẽ, để có được đội tuyển HSG tham gia dự thi đạt kết quả tốt không hề đơn giản mà đó là công sức cả một quá trình tập trung khổ luyện của cả Thầy và Trò.

Bằng kinh nghiệm đã đạt được trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lí trong những năm qua, hôm nay tôi xin mạnh dạn trao đổi với quý thầy, cô đã từng bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lí qua nhiều năm một số kinh nghiệm về công tác bồi dưỡng học sinh Giỏi môn Địa lí. Đây mới chỉ là một số biện pháp trong công tác bồi dưỡng HS Giỏi môn Địa lí ở Trường chúng tôi, chắc chắn quý thầy cô sẽ còn có những phương pháp, biện pháp hay hơn, thiết thực hơn, mong quý thầy cô cùng chia sẻ, góp ý bổ sung để chuyên đề được hoàn thiện, giúp công tác BDHSG ở các trường trong Huyện chúng ta ngày càng thuận lợi và đạt được kết quả tốt hơn.

Với vai trò là người giáo viên giảng dạy bộ môn Địa lí cấp THCS và nhiều năm được phân công dạy bồi dưỡng HSG Địa Lí 9 ở trường, ở huyện để tham gia dự thi cấp huyện, cấp tỉnh, bản thân tôi nhận thức được rằng nhiệm vụ mình đảm nhiệm khá nặng nề và quan trọng – quan trọng vì phải đảm nhận công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, công việc mà lãnh đạo nhà trường, PGD luôn xem là mũi nhọn, là thế mạnh của đơn vị mình. Nhiều năm nay công tác bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lí của bản thân ít nhiều đạt được một số kết quả nhất định. Nhìn lại thực tế bốn năm qua, năm nào cũng có học sinh được BD đạt giải HSG cấp huyện, cấp tỉnh môn Địa lý 9. Với những kết quả trên, xin chia sẻ một số biện pháp bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý cấp THCS nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn, tạo hứng thú học tập cho học sinh và góp phần nhỏ bé trong thành tích chung của phong trào bồi dưỡng học sinh giỏi, và đặc biệt với những giáo viên đã và đang bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý có thêm tài liệu tham khảo, một kênh thông tin để làm phong phú thêm tư liệu, biện pháp bồi dưỡng học sinh giỏi trên địa bàn huyện Đại Lộc.

**B/- *GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ:***

***I) CƠ SỞ LÝ LUẬN***: Qua thực tế bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý 8 và 9 trong những năm học qua, tôi nhận thấy rằng vấn đề quan trọng là người giáo viên bồi dưỡng cần có một quan niệm đúng về học sinh giỏi nói chung và học sinh giỏi môn Địa lý nói riêng. Bên cạnh đó, cần nhận định, trả lời cho câu hỏi: “việc bồi dưỡng học sinh giỏi nhằm mục tiêu gì ? để từ đó người giáo viên bồi dưỡng lựa chọn nội dung, chương trình và phương pháp bồi dưỡng sao cho thích hợp và đạt hiệu quả cao nhất. Theo Giáo sư – Tiến sỹ Nguyễn Viết Thịnh, giảng viên khoa Địa lý Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, người được ví như “một trong những cánh chim đầu đàn” của ngành khoa học Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam và cũng là người có nhiều năm tham gia ra đề thi Cao đẳng, Đại học, thi học sinh giỏi quốc gia môn Địa lý cho rằng: “Học sinh giỏi môn Địa lý chỉ cần học thuộc là chưa đủ, chưa chính xác vì Địa lý là môn khoa học có đối tượng nghiên cứu phong phú, phức tạp. Các hiện tượng địa lý không chỉ phân bố trên bề mặt đất mà cả trong không gian và trong lòng đất. Hơn nữa, các hiện tượng ấy ở đâu và bao giờ cũng phát sinh, tồn tại và phát triển một cách độc lập nhưng lại luôn có quan hệ hữu cơ với nhau. Chính vì vậy, người dạy và học Địa lý cần có phương pháp tư duy, phân tích, xét đoán các hiện tượng địa lý theo quan điểm hệ thống”. Với quan niệm trên, chúng ta hiểu rằng học sinh giỏi môn Địa lý là những học sinh phải nắm được những kiến thức cơ bản của bộ môn và phải vận dụng được những hiểu biết; những kỹ năng địa lý để giải quyết những nội dung cơ bản theo yêu cầu của đề bài, của thực tiễn cuộc sống và học sinh giỏi môn Địa lý là những học sinh có năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng tốt nhất những kiến thức, kỹ năng chắc chắn về địa lý.

Về mục tiêu chung của công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, có nhiều mục tiêu khác nhau tùy theo quan niệm của mỗi giáo viên và tùy theo môn học nhưng dù quan niệm như thế nào, chung quy lại có những điểm tương đồng sau đây:

- Bồi dưỡng học sinh giỏi nói chung và học sinh giỏi môn Địa lý nói riêng nhằm phát triển tư duy ở trình độ cao phù hợp với khả năng trí tuệ của học sinh.

- Bồi dưỡng tinh thần lao động tích cực và làm việc một cách sáng tạo.

- Phát triển các phương pháp, kỹ năng và thái độ tự học suốt đời.

- Nâng cao ý thức và khát vọng của học sinh.

- Có ý thức trách nhiệm trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Với những mục tiêu đó, chúng ta kiểm chứng lại, cũng thấy rằng việc bồi dưỡng học sinh giỏi của phần lớn giáo viên chúng ta ít nhiều đã đáp ứng tương đối đầy đủ các mục tiêu trên . Điều này được minh chứng qua kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi của giáo viên trong những năm qua, cho thấy nhiều em đạt giải học sinh giỏi cấp huyên, cấp tỉnh là những em hội đủ các mục tiêu trên.

***II) THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP***:

Trong thực tế, qua một số năm tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý đã đạt kết quả khá khả quan: hàng năm trường đều có học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, chúng tôi luôn bám sát các mục tiêu bồi dưỡng học sinh giỏi, khung chương trình do PGD và SGD qui định đồng thời áp dụng các biện pháp trong việc tuyển chọn đội tuyển, xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, tài liệu bồi dưỡng…để thực hiện công tác bồi dưỡng HSG cụ thể là:

*1. Xây dựng kế hoạch cụ thể trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi*:

Vào đầu năm học, lãnh đạo chuyên môn PGD và nhà trường luôn chỉ đạo mỗi giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi ở tất cả các môn phải xây dựng kế hoạch chi tiết. Vì vậy, bản thân cũng đã lên kế hoạch cụ thể về: Thành lập đội tuyển (số lượng học sinh bồi dưỡng, quán triệt tư tưởng…) thời gian bồi dưỡng; nội dung; thời lượng; chỉ tiêu phấn đấu đạt giải … và bản thân đã thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch. Bên cạnh đó, được sự quan tâm của Ban giám hiệu – trực tiếp là đồng chí Phó Hiệu trưởng chuyên môn của trường đã thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, hỏi thăm và động viên việc bồi dưỡng học sinh giỏi của giáo viên để công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của trường được duy trì, ổn định.

*2. Chọn đối tượng bồi dưỡng* :

Đây là công việc khởi đầu rất quan trọng, bởi vì nếu chọn được các thành viên trong đội tuyển đạt yêu cầu, có khả năng học tập, tiếp thu tốt kiến thức và biết vận dụng vào thực tiễn thì việc bồi dưỡng của GV sẽ thuận lợi, có nhiều hy vọng đạt kết quả cao, hứa hẹn thành công trong quá trình bồi dưỡng HSG bộ môn. Việc tuyển chọn HSG môn Địa lí có chất lượng cần đảm bảo một số tiêu chí và yêu cầu sau:

* Các em phải thật sự hứng thú, ham thích học tập bộ môn.
* Khả năng tiếp thu tốt, có vốn kiến thức cơ bản bộ môn và có phương pháp tư duy, phân tích, xét đoán và biết vận dụng kiến thức.
* Chữ viết, trình bày rõ ràng, mạch lạc.
* Có kiến thức cơ bản môn Toán.

Tuy nhiên trong việc tuyển chọn đối tượng đội tuyển qua nhiều năm, chúng ta thấy rằng: Các trường có quy mô số lớp còn nhỏ thì việc lựa chọn đội tuển HSG bộ môn Địa lí rất khó khăn. Vì số HS thật sự khá giỏi không nhiều, hầu hết các em muốn tham gia học BD các môn Toán, Ngoại ngữ, Lí, Hóa, Văn…Cuối cùng khi không được chọn các môn mới đăng kí tham gia học môn Địa lí.(hầu như đội tuyển HSG môn Địa các trường trong huyện có quy mô vừa và nhỏ không thông qua thi khảo sát trừ các trường có quy mô số lớp nhiều… Hơn nữa còn một số nguyên nhân khác như:

- Đa số HS và phụ huynh chưa quan tâm và đầu tư nhiều cho việc học tập bộ môn. Một só HS tuy có hứng thú, thích học BD nhưng không được phụ huynh đồng tình, hỗ trợ mà còn ngăn cản.

- Chưa tìm đúng đối tượng HS có năng lực và thực sự yêu thích học bộ môn.

- Nhiều học sinh nghĩ rằng tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi sẽ ảnh hưởng đến thành tích học ở lớp, vì vậy một số em vẫn tham gia bồi dưỡng nhưng mang tính hình thức, thiếu tập trung.

- Phải đi học bù, học thể dục, học thêm, tham gia các phong trào khác của lớp, trường … nên không có thơi gian tham gia học và đầu tư trong việc học tập BD nên kết quả mang lại không cao, không đạt yêu cầu.

Xuất phát từ những khó khăn trên, bản thân GV bồi dưỡng phải thường xuyên gần gũi, thân thiện, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng các em để giáo dục, động viên các em tham gia, duy trì ổn định tốt nề nếp học BD.

*3. Biên soạn nội dung chương trình bồi dưỡng*: Giáo viên bồi dưỡng phải bám sát khung chương trình BD và cấu trúc đề thi HSG do PGD và SGD quy định để biên soạn tài liệu theo từng chuyên đề của nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý: Có thể cho rằng đây là biện pháp mang tính bền vững đối với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý. Từ thực tế kinh nghiệm bồi dưỡng những năm qua cho thấy nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý rất phong phú được trải đều ở 03 khối lớp 6, 8, 9 và ở mỗi khối lớp lượng kiến thức cần truyền đạt cho học sinh rất nhiều, giáo viên bồi dưỡng phải xác định được nội dung kiến thức nào cần tập trung bồi dưỡng cho học sinh, đặc biệt là phần Địa lý tự nhiên Việt Nam (khối 8) và Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (khối 9) .Nội dung nào ít quan trọng để giới hạn, hướng dẫn cho HS tự nghiên cứu, , bên cạnh đó trong một vài trường hợp người giáo viên không thể bồi dưỡng kiến thức trong sách giáo khoa theo một trình tự cố định hết Bài 1 đến Bài 2, Bài 3 …do không đủ thời gian hoặc do kiến thức được sắp xếp theo từng phần, từng chương theo phương pháp dàn trải. Chính vì thế, bản thân đã tiến hành soạn tài liệu riêng theo từng chuyên đề, đảm bảo tính hệ thống trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi. Qua thực tế bồi dưỡng học sinh giỏi các năm qua, bản thân tôi đúc kết và rút ra nội dung chương trình BD gồm các chuyên đề cơ bản sau:

* Chuyên đề 1: Rèn luyện cho học sinh một số kĩ năng Địa lí cơ bản
* Chuyên đề 2: Địa lí Đại cương (khối 6).
* Chuyên đề 3: Địa lý tự nhiên Việt Nam (khối 8).
* Chuyên đề 4: Địa lý Dân cư VN
* Chuyên đề 5: Địa Lí các ngành kinh tế VN
* Chuyên đề 6: Địa Lí các vùng kinh tế VN

Mỗi chuyên đề, chúng tôi biên soạn thành hai phần: nội dung chính của chuyên đề và phần bài tập Sau đó giáo viên cần tìm những tài liệu liên quan để biên soạn nội dung chuyên đề. Đối với bản thân, tài liệu biên soạn chủ yếu dựa vào các nguồn:

- Hướng dẫn học và khai thác Atlat Địa lý Việt Nam (Tác giả: GS-TS Lê Thông, PGS-TS Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2008).

- Ôn tập Địa lý theo chủ điểm (Tác giả: GS-TS Nguyễn Viết Thịnh, PGS-TS Đỗ Thị Minh Đức do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm xuất bản năm 2005).

- Chuyên đề Địa lý 12: Phần Địa lý tự nhiên - dân cư và phần Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (Tác giả: PGS-TS Nguyễn Đức Vũ do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xuất bản năm 2009). - Tuyển chọn những bài ôn luyện thực hành kỹ năng môn Địa lý (Tác giả: Đỗ Ngọc Tiến, Phí Công Việt do Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản năm 2002).

- Một số đề thi học sinh giỏi môn Địa lý THCS cấp Huyện và cấp Tỉnh của một số năm. Khi đã biên soạn được tài liệu giáo viên rất thuận lợi trong việc bồi dưỡng cho học sinh vì lượng kiến thức đã được định trước, đồng thời hạn chế việc mất thời gian và có thể bồi dưỡng theo sở thích của mình.

*4. Về nội dung và phương pháp bồi dưỡng:*

Theo kinh nghiệm của bản thân, tôi áp dụng theo quy trình sau:

* Đối với đội tuyển HSG khối 8:

- Đầu tiên hướng dẫn các em đọc và khai thác Át lát về những đối tượng địa lí có liên quan đến kiến thức đã học kết hợp in phát tài liệu về chuyên đề 2: ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG ở 2 tuần đầu (cuối tháng 9)

- Tiến hành hệ thống hóa trình tự các nội dung ở chuyên đề 2: ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG, sau mỗi nội dung đều có tiết luyện tập 🡪 kiểm tra. ( tháng 10 & 2 tuần đầu tháng 11)

\* *Giáo viên có thể tải chuyên đề này theo đường link sau:*

*<https://drive.google.com/file/d/1haNXXUdZVvD3nnEtpbmX7PrTEm7BuHz5/view?usp=sharing>*

- In phát tài liệu chuyên đề 3 : ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM và tiến hành giảng dạy lần lượt các nội dung chuyên đề 3 kết hợp luyện tập, kiểm tra ( bắt đầu từ 2 tuần cuối tháng 11 đến tháng 3 năm sau)

\* *Giáo viên có thể tải chuyên đề này theo đường link sau:*

*<https://drive.google.com/file/d/1GoejLQKi47kPjrWtJcQrRCHKqVeVMWaA/view?usp=sharing>*

* Đối với đội tuyển HSG khối 9:

Trước tiên hướng dẫn các em đọc và khai thác Át lát (tuần đầu), sau đó lần lượt in phát tài liệu Địa lý dân cư (chuyên đề 4 ) 🡪 Địa lí các ngành kinh tế (chuyên đề 5) 🡪 Địa lí các vùng kinh tế (chuyên đề 6) để học sinh tự nghiên cứu vì phần này các em đã và đang được học trên lớp (học đến đâu phát đến đó) Vì vậy giáo viên có điều kiện mở rộng kiến thức cho học sinh, đồng thời đối với học sinh, các em cũng có điều kiện khắc sâu kiến thức, nâng cao khả năng tư duy, các kỹ năng địa lý cũng được rèn luyên, phát triển. Tiếp theo, giáo viên phát tài liệu về chuyên đề “Rèn luyện cho học sinh một số kĩ năng Địa lí cơ bản” trong đó tập trung vào hướng dẫn HS kỹ năng vẽ và nhận xét các loại biểu đồ…

Cũng cần nói thêm rằng, mỗi giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý đều có những điểm giống nhau như: khung chương trình bồi dưỡng, trình độ tay nghề, sự nhiệt tình, trình độ học sinh, phương tiện phục vụ bồi dưỡng (Atlat, compa, thước kẽ, thước đo độ, máy tính …) … nhưng kết quả đạt được có sự khác biệt vì mỗi giáo viên có hình thức tổ chức và phương pháp bồi dưỡng khác nhau.

Tuy nhiên theo khung chương trình bồi dưỡng và cẩu trúc đề thi HS Giỏi Lớp 9 do SGD quy định thì bắt đầu từ năm học 2018 - 2019 trong cấu trúc đề thi sẽ không có phần Địa Lí 6 và Địa lí 8 nên trong chuyên đề hôm nay, chúng tôi xin trao đổi với quí thầy cô một số nội dung như sau:

* Chuyên đề 1: Rèn luyện cho học sinh một số kĩ năng Địa lí cơ bản

(*<https://drive.google.com/file/d/1H44LtotekzEK1GRF4UY9kcVi5ey6OsdV/view?usp=sharing>)*

* Chuyên đề 4: Địa lí Dân Cư Việt Nam

(<https://drive.google.com/file/d/1JGRtu7TM7cgbDxO1hr9nKAfhdlWBkYdc/view?usp=sharing>)

* Chuyên đề 5: Địa lí các ngành kinh tế

( <https://drive.google.com/file/d/1PtfbqcKL9gM6rnGKxL-r2G-gOVKRmU3x/view?usp=sharing>)

* Chuyên đề 6: Địa Lí các vùng kinh tế

***Sau đây xin trình bày tóm lượt qui trình, phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý mà bản thân đã thực hiện trong các năm qua như sau:***

I/ Chọn HS và thành lập đội tuyển ( tiến hành như đã nói ở trên)

II/ Tập trung học sinh thông báo lịch học, điều quan trọng nhất trong buổi đầu tiên là quán triệt tư tưởng cho HS: thái độ học tập, tính chuyên cần, và ý thức tự giác, nghiêm túc trong quá trình tham gia học bồi dưỡng…

III/ Hướng dẫn HS chép nội dung các chuyên đề cần phải ôn tập và yêu cầu HS chuẩn bị một số tài liệu, dụng cụ cần thiết trong quá trình học BD.

IV/ Tiến hành ôn tập, hế thống hóa kiến thức và giảng dạy theo chuyên đề.

**CHUYÊN ĐỀ 1: RÈN LUYỆN CHO HS MỘT SỐ KĨ NĂNG ĐỊA LÍ CƠ BẢN**

**( GV phát tài liệu cho HS và ôn theo tài liệu)**

**Quý Thầy Cô có thể xem tài liệu CHUYÊN ĐỀ I theo đường dẫn sau:**

***<https://drive.google.com/file/d/1H44LtotekzEK1GRF4UY9kcVi5ey6OsdV/view?usp=sharing>***

***I/ Kĩ năng vẽ sơ đồ:*** SGK Địa lí 9 (H7.2/26; 11.1/39; Bài 1/41... )

***II/ Kĩ năng đọc Át lát và phân tích một số vấn đề Địa Lí qua Atlat***

Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trong bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý là một khâu quan trọng mà đa số giáo viên giảng dạy Địa lý nói chung và giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi nói riêng đều cố gắng rèn luyện cho học sinh những kỹ năng cần thiết để khai thác kiến thức từ bản đồ và Atlat địa lý và thông thường chúng ta tiến hành theo các bước sau:

*- Bước 1:* Nắm vững các ký hiệu chung ở trang bìa của Atlat.

*- Bước 2:* Tùy theo yêu cầu của câu hỏi mà người sử dụng Atlat lựa chọn một trang hay nhiều trang Atlat khác nhau, đồng thời các trang Atlat này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nên phải nắm vững các ký hiệu riêng ở từng trang Atlat

*- Bước 3*: Thông qua các thao tác tư duy người giáo viên hướng dẫn học sinh tìm vị trí của đối tượng trên bản đồ và tiến hành mô tả đối tượng (hình dáng, kích thước, quy mô, màu sắc), cuối cùng xác định các mối liên hệ giữa các đối tượng trên bản đồ để giải thích, làm sáng tỏ vấn đề. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của bản thân thì đây là các bước khai thác Atlat theo phương pháp chung nhất mà người giáo viên dạy địa lý nào cũng phải thực hiện, nhưng đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi môn địa lý ngoài các bước khai thác chung cần có các bước khai thác riêng. Nói cách khác để học sinh khai thác có hiệu quả kiến thức từ Atlat địa lý người giáo viên phải nắm vững các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lý trên bản đồ. Atlat Địa lý Việt Nam hiện nay có các phương pháp biểu hiện chủ yếu sau:

- Phương pháp ký hiệu: hình học, chữ, tượng hình.

- Phương pháp ký hiệu đường chuyển động như : hướng gió, dòng biển, đường giao thông …

- Phương pháp chấm điểm như : điểm dân cư, quy mô đô thị, trung tâm công nghiệp …

- Phương pháp khoanh vùng như: bãi cá, bãi tôm, phân bố các dân tộc …

- Phương pháp bản đồ - biểu đồ: dùng biểu đồ đặt vào phạm vi của đơn vị lãnh thổ như: biểu đồ thể hiện diện tích và sản lượng lúa của An Giang và các tỉnh khác ở đồng bằng sông Cửu Long … - Phương pháp nền chất lượng (phương pháp thang màu).

Các phương pháp biểu hiện trên được thể hiện ở các trang bản đồ của Atlat trong hai phần chính của chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi môn Địa lý là: phần Địa lý tự nhiên và phần Địa lý kinh tế - xã hội, trong đó:

- Phần Địa lý tự nhiên Việt Nam sử dụng các phương pháp biểu hiện chủ yếu là: phương pháp thang màu, phương pháp ký hiệu và phương pháp ký hiệu đường chuyển động.

- Phần Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam sử dụng các phương pháp chủ yếu như: phương pháp bản đồ - biểu đồ và phương pháp ký hiệu. Thế thì vì sao người giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi môn địa lý phải nắm vững các phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lý trên Atlat ?

Vì: các đối tượng địa lý trên bề mặt đất thông qua các phương pháp biểu hiện đã hàm chứa một kho kiến thức đồ sộ về địa lý nước nhà chứ không đơn thuần là một ký hiệu sơ cứng: trong ký hiệu có kiến thức và kiến thức thể hiện qua ký hiệu. Khi bồi dưỡng cho học sinh về địa lý của một ngành kinh tế hay một vùng kinh tế nào đó, học sinh không thể học thuộc lòng một cách “máy móc” các số liệu hay đọc “thao thao” về sự phân bố, mà bắt buộc học sinh phải khai thác kiến thức từ Atlat kết hợp với các thao tác tư duy đồng thời phải nắm được mối liên hệ lôgic của chúng. Như vậy, ở đây người giáo viên bồi dưỡng phải hướng dẫn học sinh nắm được mối liên hệ lôgic của Địa lý ngành kinh tế hoặc vùng kinh tế. Qua thực tế, tôi thấy Địa lý các ngành kinh tế có mối liên hệ như sau: - Vai trò của ngành kinh tế đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành kinh tế. - Tình hình phát triển và phân bố của ngành. (thông thường được thể hiện đầy đủ trong Atlat qua các biểu đồ và thang màu) - Phương hướng, giải pháp phát triển của ngành trong thời gian tới.

Ví dụ: Đối với câu hỏi: Dựa vào Atlat Địa Lí VN trang 20 (phần Thủy sản) và những kiến thức đã học hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản ở nước ta. Vì sao nước ta có thế mạnh để phát triển ngành thủy sản? Với câu hỏi này người giáo viên bồi dưỡng phải hướng dẫn học sinh nắm được mối liên hệ lôgic của Địa lý ngành thủy sản và hướng dẫn học sinh khai thác từ Atlat Địa lý Việt Nam:

\* Tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản ở nước ta: sử dụng Atlat trang 20 Toàn bộ trang Atlat (phần thủy sản) chỉ sử dụng hai phương pháp biểu hiện là: phương pháp bản đồ - biểu đồ và phương pháp nền chất lượng, trong đó:

- Phương pháp bản đồ - biểu đồ có biểu đồ sản lượng thủy sản của cả nước qua các năm từ năm 2000 đến năm 2007, biểu đồ sản lượng thủy sản của các tỉnh năm 2007 được đặt trong bản đồ 63 tỉnh, thành của Việt Nam.

- Phương pháp nền chất lượng: có 06 thang màu thể hiện 06 mức giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông-lâm-thủy sản ở 63 tỉnh, thành (từ dưới 5% đến trên 50%) Như vậy, trước tiên người giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh biết được có những phương pháp biểu hiện địa lý nào trên Atlat, từ những phương pháp biểu hiện đó xác định có những đối tượng địa lý nào được biểu hiện. Tiếp theo, hướng dẫn học sinh chuyển số liệu từ biểu đồ sản lượng thủy sản của cả nước từ năm 2000 đến năm 2007 trên Atlat thành bảng số liệu sau:

*Bảng: Sản lượng thủy sản của nước ta từ năm 2000 đến năm 2007. (Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Năm* | *Tổng số* | *Chia ra* | |
| *Khai thác* | *Nuôi trồng* |
| 2000  2005  2007 | 2250,5  3474,9  4197,8 | 1660,9  1987,9  2074,5 | 589,6  1487,0  2123,3 |

Tiếp theo, học sinh căn cứ vào bảng số liệu (cột dọc, cột ngang) rút ra những nhận xét cần thiết nhất.

\* Về phân bố thủy sản: giáo viên hướng dẫn học sinh xem chú giải riêng của trang Atlat để trình bày. Kết quả có được là:

- Khai thác: tập trung nhiều ở các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận.

- Nuôi trồng: tập trung chủ yếu ở các tỉnh Cà Mau, An Giang, Bến Tre.

- Những tỉnh trọng điểm về ngành thủy sản tập trung ở hai vùng là: Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung Bộ (học sinh xem 06 thang màu)

\* Vì sao nước ta có thế mạnh phát triển ngành thủy sản: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức đã học (các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành kinh tế) kết hợp với khai thác kiến thức ở Atlat trang 20 để giải thích. Trên đây là một ví dụ tiêu biểu về khai thác kiến thức từ Atlat. Ngoài ra, đối với câu hỏi trên, giáo viên bồi dưỡng có thể áp dụng với những ngành kinh tế khác như: ngành chăn nuôi, cây công nghiệp, lúa (Atlat trang 19); lâm nghiệp – thủy sản (Atlat trang 20); các ngành công nghiệp (trang 21); thương mại (trang 24); du lịch (trang 25); 07 vùng kinh tế (các trang còn lại của Atlat). Bên cạnh phần Địa lý kinh tế - xã hội là phần Địa lý tự nhiên, qua kinh nghiệm bồi dưỡng, tôi thấy các thành phần tự nhiên của thiên nhiên Việt Nam như: địa hình (Atlat trang 6, trang 7); khí hậu (Atlat trang 9); sông ngòi (trang 10); đất (trang 11); thực – động vật (trang 12) và các miền tự nhiên (trang 13; 14) được thể hiện chủ yếu bằng phương pháp ký hiệu, phương pháp ký hiệu đường chuyển động và phương pháp thang màu. Do đó, giáo viên cần tập trung hướng dẫn học sinh phân tích thang màu cùng các ký hiệu chung và ký hiệu riêng ở các trang Atlat để làm sáng tỏ được yêu cầu của đề bài.

**III/ Kĩ năng phân tích bảng thống kê ( hay bảng số liệu):**

*Nguyên tắc chung khi phân tích các bảng số liệu là:*

* *Không được bỏ sót các dữ liệu.*

Trong quá trình phân tích phải sử dụng tất cả các số liệu có trong bảng. Cần phải sử dụng hết các dữ liệu của đề ra, tránh bỏ sót số liệu dẫn tới việc cắt nghĩa sai, thiếu ý trong bài làm.

* *Cần kết hợp giữa số liệu tương đối và tuyệt đối trong quá trình phân tích.*

Bảng số liệu có thể có đơn vị tuyệt đối (dùng loại đơn vị tấn, hay m3, tỉ kwh, tỉ đồng…), hoặc đơn vị tương đối (đơn vị %).

Trong trường hợp đơn vị tuyệt đối cần tính toán ra các đại lượng tương đối. Quá trình phân tích phải đưa được cả hai đại lượng này để minh hoạ.

Ví dụ: Bảng số liệu 9.2 trang 37 SGK

* *Tính toán số liệu theo hai hướng chính: theo chiều dọc và theo chiều ngang.*

Hầu hết các trường hợp là có một ***chiều thể hiện sự tăng trưởng và một chiều thể hiện cơ cấu của đối tượng.***

Sự tăng trưởng của đối tượng là sự ***tăng hoặc giảm về mặt số lượng*** của đối tượng;

Sự chuyển dịch cơ cấu đối tượng là sự ***thay đổi các thành phần bên trong của đối tượng.*** Mọi sự thay đổi về cơ cấu hay sự tăng trưởng phải diễn ra theo chiều thời gian. Ví dụ Bảng số liệu 10.1 trang 38 SGK

* Thực hiện nguyên tắc: *từ tổng quát tới chi tiết, từ khái quát tới cụ thể*.

Thường là đi từ các số liệu phản ánh chung các đặc tính chung của tập hợp số liệu tới các số liệu chi tiết thể hiện một thuộc tính nào đó, một bộ phận nào đó của hiện tượng địa lý được nêu ra trong bảng số liệu.

Các nhận xét cần tập trung là: *các giá trị trung bình, giá trị cực đại, cực tiểu, các số liệu có tính chất đột biến.* Các giá trị này thường được so sánh dưới dạng hơn kém (*lần hoặc phần trăm so với tổng số*).

* *Khai thác các mối liên hệ giữa các đối tượng.*

Quá trình phân tích bao giờ cùng đòi hỏi khai thác mối liên hệ giữa các đối tượng có trong bảng. Do đó cần khai thác mối liên hệ giữa các cột, các hàng. Kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa các đối tượng đòi hỏi có những tính toán phù hợp. Việc tính toán này thường được thực hiện trước khi bước vào nhân xét.

Các mối quan hệ được đề cập nhiều là: năng suất - diện tích - sản lượng; sản lượng với số dân và bình quân. Có vô số mối quan hệ giữa các đối tượng địa lý gắn với các nội dung của từng bài. Ví dụ bảng số liệu 8.2 trang 29 SGK

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Tiêu chí** | **1980** | **1990** | **2002** |
| Diện tích (nghìn ha)  Năng suất lúa cả năm (tạ/ha)  Sản lượng lúa cả năm(triệu tấn)  Sản lượng lúa bình quân đầu người (kg) | 5600  20,8  11,6  217 | 6043  31,8  19,2  291 | 7504  45,9  34,4  432 |

Dựa vào bảng số liệu, hãy trình bày các thành tựu chủ yếu trong sản xuất lúa thời kì 1980 - 2002.

Trước khi nhận xét bảng số liệu GV hướng dẫn HS khai thác mối liên hệ giữa các đối tượng có trong bảng:

Sản lượng lúa cả năm = Diện tích x Năng suất

Diện tích = Sản lượng lúa cả năm : Năng suất lúa

Năng suất lúa = Sản lượng lúa : Diện tích lúa

Sản lượng lúa bình quân đầu người = Sản lượng lúa cả năm : Số dân

* Cần chú ý là phân tích bảng thống kê bao gồm cả minh họa số liệu và giải thích.

Mỗi nhận xét có trong bài đều phải có số liệu minh họa và giải thích.

Giải thích sự biến đổi, sự chuyển dịch của đối tượng là ***nêu ra những nguyên nhân, lý do dẫn tới sự thay đổi, sự khác biệt về phương diện thời gian và không gian của đối tượng.***

**Nói chung, để phân tích một bảng số liệu cần phải huy động kiến thức, tính toán hợp lý để tìm ra 2 hoặc 3, 4 ý phù hợp với yêu cầu của đề ra**. Điều đó cho thấy không nắm được kiến thức cơ bản, không nắm vững lý thuyết sẽ không thể phân tích bảng số liệu.

* **CÁC BÀI TẬP NHẬN XÉT BẢNG SỐ LIỆU**

- Nhận xét, phân tích bảng số liệu SGK Địa lí 9( 2.2/9; 3.1/13; 3.2/14; 3.1/17; Bài 5/18; 8.1/28; 8.2/29; 8.3/31; 9.1/34; 9.2/37; 14.1/51; 17.2/64; 20.1/73; 21.1/77; 23.2/84; 25.2/93; 26.2/97; 27.1/100; 28.2/104; 29.1/108; 29.2/109; 31.2/115; 32.1/117; 32.2/119; 33.1/121; 33.2/122; 35.1/127; 36.1/129; 38.1/135). Tham khảo Sách tài liệu

**IV/ Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ**

**Phần 1: HƯỚNG DẪN CHUNG:**

***A. Các bước vẽ biểu đồ:***

* Đọc kĩ bảng số liệu*.*
* Xác định loại biểu đồ thích hợp.
* Vẽ biểu đồ theo số liệu đã cho sẵn hoặc qua tính toán.
* Lập bảng chú giải
* Ghi tên biểu đồ.

Các bước này cần được thực hiện một cách tuần tự, tránh cản trở lẫn nhau.

***Ngoài ý nghĩa là kiến thức địa lý, vẽ biểu đồ là tập hợp của nhiều kỹ năng địa lý nên đòi hỏi học sinh phải thực hành nhiều mới có thể thuần thục***.

**Chú ý:**

* **Khi vẽ biểu đồ cột, thanh ngang, đồ thị, biểu đồ kết hợp, biểu đồ miền**.

***Trục giá trị Y (thường là trục tung)*.** Khi vẽ và chia đơn vị trên trục này phải có quan tâm tới giá trị cao nhất trong chuỗi số liệu. Giá trị cao nhất của trục này được làm tròn về phía trên để được một số đoạn dễ chia; gốc của trục thường là 0. Có thể có cả chiều âm trong một số trường hợp (ví dụ, tốc độ tăng trưởng GDP).

- Trong mọi trường hợp ***phải bảo đảm tính liên tục của trục tung***. Cũng có ***trường hợp đặc biệt cần thiết phải rút ngắn trục tung***, nhưng phải có chú dẫn (ví dụ như trong biểu đồ lượng mưa theo tháng).

- Mỗi trục giá trị phải có mũi tên chỉ hướng của giá trị, phải ghi rõ *danh số và đơn vị của đối tượng*. Ví dụ: trên đầu mũi tên ghi: Sản lượng lương thực (Triệu tấn). Cũng có thể viết gọn *Triệu tấn* trên đầu mũi tên, đó là cách viết tắt.

***Trục X (thường là trục hoành).*** Khi chia thời gian trên trục hoành cần chú ý tới tính liên tục của thời gian. Trường hợp của biểu đồ cột tính liên tục của thời gian có thể không phải là bắt buộc.

Đối với đồ thị, biểu đồ miền hoặc loại biểu đồ kết hợp nhất thiết phải bảo đảm tính liên tục của chiều thời gian. Nếu không bảo đảm tính liên tục của thời gian, đồ thị, biểu đồ miền sẽ bị biến dạng không thể hiện được tốc độ tăng trưởng hoặc tốc độ thay đổi của cơ cấu đối tượng.

* ***Khi vẽ biểu đồ hình tròn***

**Nếu số liệu đề bài là số liệu tuyệt đối cần phải xử lý số liệu trước khi vẽ.**

**Cần phải tính bán kính của các đường tròn** **và tỉ lệ các thành phần so với tổng số. Các giá trị tính toán khi vẽ biểu đồ hình tròn, giá trị tổng số thể hiện sự thay đổi của quy mô đối tượng. Sự so sánh các giá trị thể hiện quy mô của đối tượng là *so sánh diện tích của các đường tròn*.**

Cần chú ý là các *loại biểu đồ hình tròn, hình cột chồng* có thể thay thế cho nhau. Mỗi loại có những ưu điểm nhược điểm khác nhau, tùy trường hợp mà có sự lựa chọn loại nào cho hợp lý.

Nên thiết kế bảng chú thích trước khi vẽ các hình quạt. Trật tự của các hình quạt bên trong phải theo đúng thứ tự số liệu có trong bảng. Trong biểu đồ hình tròn phải vẽ theo thứ tự theo chiều thuận của kim đồng hồ, bán kính đầu tiên là tia 12h( hay 0h)

* ***Biểu đồ miền***

Cần chú ý là loại biểu đồ miền thể hiện rất tốt sự thay đổi cơ cấu của các đối tượng như: cơ cấu nông nghiệp với trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp ; cơ cấu GDP với công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Ngoài ra, còn có một số loại biểu đồ miền đặc biệt khác, ví dụ biểu đồ tỉ lệ sinh, tử và gia tăng tự nhiên dân số, biểu đồ tỉ lệ giá trị xuất khẩu so với nhập khẩu...

*Các loại biểu đồ miền chỉ sử dụng khi có từ 4 điểm thời gian trở lên; trường hợp chỉ có 2 hay 3 điểm thời gian người ta dùng dạng cột chồng hoặc hình tròn để thay thế.*

Khi vẽ biểu đồ miền dứt khoát phải vẽ các điểm thời gian bảo đảm tính liên tục như khi vẽ đồ thị. Nếu không theo nguyên tắc này, sự chuyển dịch cơ cấu của các thành phần tham gia vào tổng số sẽ bị sai lệch.

***B. Nhận xét biểu đồ.***

Về căn bản có thể chia ra hai loại nhận xét chủ yếu là loại ***nhận xét cho biểu đồ cơ cấu và biểu đồ thể hiện sự tăng trưởng***.

**\* Loại biểu đồ thể hiện sự tăng trưởng:**

**-** Các nhận xét này thường liên quan tới sự tăng trưởng, sự thay đổi của đối tượng. Sự thay đổi này bao giờ cũng gắn với một khoảng thời gian nhất định hoặc so sánh các đối tượng với nhau.

**-** Sự thay đổi, sự tăng trưởng của một hay nhiều đối tượng thường liên quan tới tốc độ tăng trưởng.

**-** Một biến dạng khác của công thức này là tốc độ tăng trưởng của một hay nhiều đối tượng trong cùng một khoảng thời gian người ta quy ước năm xuất phát là 100% (hay 1 lần). Loại tính toán này gắn với đồ thị tăng trưởng rất hay gặp trong các đề thi.

**Chú ý:**

Trong các nhận xét để cho đơn giản hơn thường dùng phép so sánh các đối tượng bằng các giá trị tuyệt đối (lần) hay tương đối ( %).

Nhận xét sự thay đổi **theo chiều thời gian** thường có: khái quát chung đánh giá tình hình chung của đối tượng tại điểm đầu và điểm mốc cuối; các giai đoạn nhỏ trong chuỗi thời gian. Thông thường người ta chia ra 2, 3, giai đoạn nhỏ để nhận xét. Mỗi giai đoạn nhỏ có sự tăng trưởng khác nhau.

Nhận xét sự khác nhau giữa các đối tượng trong **cùng một thời điểm** cũng có 3 nội dung là: *khái quát chung (dành cho tổng số)*; *nhận xét các đối tượng riêng biệt, cao nhất, thấp nhất.*

**\* Loại biểu đồ thể hiện cơ cấu của đối tượng.**

**-** Các nhận xét thường tập trung vào *đặc trưng của cơ cấu, sự thay đổi của cơ cấu theo thời gian*. **- -** Khi nhận xét biểu đồ thường rút ra khoảng 2, 3 nhận xét khác nhau. Mỗi nhận xét đều có 3 nội dung là: **n*êu ra nhận định - đưa ra số liệu - giải thích.***

**Phần 2: CÁC DẠNG BIỂU ĐỒ:**

**1. Biểu đồ cột**

**Biểu đồ hình cột và các dạng cùng loại: Đ**ược chia ra các loại sau:**Tháp dân số**. **Cột đứng (loại đơn, loại kép). Biểu đồ cột chồng**, loại này được chia ra: **loại sử dụng số liệu** **%**; **loại sử dụng số liệu** **nguyên dạng**; cũng có thể phân ra: **dạng đơn; dạng kép**. **Biểu đồ thanh ngang. Có bao nhiêu loại biểu đồ cột nêu trên có chừng ấy loại biểu đồ thanh ngang (đơn, kép, chồng...).**

**a. Biểu đồ cột đơn**

- **Ý nghĩa**: So sánh các đại lượng, động thái theo thời gian của một đối tượng địa lí.

VD: Tình hình dân số qua một số năm, thu nhập bình quân đầu người một số nước Đông Nam Á.

**- Cách vẽ**:

+ Chọn gốc toạ độ

+ Trục ngang: Chỉ thời gian (cần chia đơn vị thời gian nếu có) hoặc biểu hiện các đối tượng

+ Trục dọc: Chỉ số lượng (cần ghi chú đầu trục: biểu hiện đơn vị)

+ Vẽ các cột theo số liệu: Bề rộng các cột bằng nhau, giá trị ghi trên đầu cột.

* **Lưu ý:** Các biểu đồ cột đơn biểu hiện các đối tượng khác nhau có thể vẽ cạnh nhau để dễ so

sánh (cần làm kí hiệu khác nhau).

Ví dụ: So sánh diện tích cây công nghiệp và cây lương thực qua một số năm.

**b. Biểu đồ cột ghép:**

**- Ý nghĩa:** + So sánh các đại lượng, động thái theo thời gian của một hay hai đối tượng địa lí.

+ Vẽ theo giá trị tuyệt đối

**- Cách vẽ:**

+ Vẽ hệ trục tọa độ: Phân chia tỉ lệ ở trục tung và trục hoành cho hợp lí

+ Vẽ các cột chú ý mỗi năm hai cột hoặc ba cột theo đề bài yêu cầu

VD : Bài tập 3 trang 69 SGK hoặc Hình 24.1 trang 86 SGK, hình 40.1 trang 145 SGK Địa Lí 9

**c. Biểu đồ cột chồng**

- **Ý nghĩa:**

+ Vẽ theo giá trị tuyệt đối: Thể hiện quy mô và các thành phần của tổng thể

+ Vẽ theo giá trị tương đối: Thể hiện cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu theo thời gian, không gian

**- Cách vẽ:**

+ Vẽ hệ thống trục: Như trường hợp biểu đồ cột đơn

+ Vẽ chồng nối tiếp giá trị các thành phần của tổng thể trên một cột (theo thời gian, không gian)

**d. Biểu đồ thanh ngang**

**- Ý nghĩa:** Để so sánh các đại lượng

**- Cách vẽ:** Đây là dạng biểu đồ cột được vẽ trên hệ thống trục ngược với biểu đồ cột đơn:

+ Trục ngang: Biểu hiện giá trị

+ Trục dọc: Biểu hiện các đối tượng vùng so sánh

Ví dụ: BT 3/105 SGK Địa Lý 9

**2. Biểu đồ đồ thị (đường biểu diễn):được phân ra**:

Đồ thị đơn (có thể có nhiều đối tượng những chỉ có 1 đơn vị đo)

Đồ thị kép (có từ 2 đối tượng trở lên với 2 đơn vị đo khác nhau...)

Đồ thị gia tăng (loại quy đổi về năm xuất phát 100%)

**a. Ý nghĩa:** Cần trình bày sự thay đổi giá trị của một đại lượng theo thời gian hoặc thể hiện tốc

độ tăng trưởng

**b.Cách vẽ:** Vẽ hệ thống trục. Xác định toạ độ từng điểm một - Nối các điểm lại. Có thể vẽ

nhiều đồ thị trên cùng một hệ thống trục:

+ Trục dọc: Chỉ số lượng (số liệu đơn vị cần chính xác)

+ Trục ngang: Chỉ thời gian (cần chia đúng tỉ lệ thời gian)

(Nếu các đối tượng cùng đại lượng: Vẽ cùng đơn vị trên trục tung. Nếu các đối tượng đo bằng các đại lượng khác nhau: **Vẽ hai đồ thị:** Dùng hai trục tung biểu hiện hai đơn vị khác nhau, mỗi đồ thị ứng một trục. **Vẽ nhiều đồ thị:** Cần chuyển các đại lượng về giá trị tương đối. Lấy năm gốc bằng 100%, tìm chỉ số phát triển của các năm còn lại. Dựa vào số liệu vừa tìm được để vẽ.

**- Lưu ý:** Ghi giá trị trên các điểm xác định

**3. Biểu đồ cơ cấu.** Theo hình dạng có thể chia ra:

**3.1. Hình tròn, cột chồng…**

Loại biểu đồ cơ cấu nếu căn cứ theo số liệu lại được chia ra: Loại sử dụng **số liệu tương đối**, loại sử dụng **số liệu tuyệt đối.**

1. **Ý nghĩa**: So sánh các thành phần trong một cơ cấu (tính theo %). Hai hay nhiều biểu đồ tròn

so sánh quy mô, sự thay đổi tỉ trọng các thành phần trong cơ cấu theo thời gian (hoặc không gian)

Ví dụ: Biểu đồ cơ cấu công nghiệp qua 2 năm 1989, 1993 hoặc biểu đồ cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt

**b. Cách vẽ:**  Một vòng tròn biểu hiện 100%**.** Bắt đầu vẽ đường bán kính thẳng đứng. Vẽ các thành phần theo đúng tỉ lệ (1% tương ứng 3,60) theo thứ tự đề bài và chiều kim đồng hồ**.** Ghi chú: Giải thích các kí hiệu đã vẽ, ghi số liệu ngay trên hình quạt ( nếu hình quạt quá nhỏ thì ghi ngoài và có dấu nối vào hình quạt đó).

**- Lưu ý:** Khi vẽ từ 2 vòng tròn trở lên, cần chú ý vẽ độ lớn bán kính các đường tròn theo giá trị so sánh (quy mô, cơ cấu) theo công thức R2 = R1. √ S2 : S1

**3.2 Biểu đồ miền:**

Biểu đồ miền mà các thành phần sử dụng **số liệu %,**

Biểu đồ sử dụng mà các thành phần **số liệu nguyên dạng**

**a.Ý nghĩa:**Thể hiện cơ cấu và động thái diễn biến của đối tượng (thường 4 mốc thời gian trở lên)

**b.Cách vẽ:** Ranh giới giữa các miền được vẽ bằng đường đồ thị

Ví dụ: Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu GDP của nước ta từ năm 1990 đến năm 2002 (trang 20 SGK)

**4. Các loại biểu đồ kết hợp: gồm các loại**

***Biểu đồ đường với cột; biểu đồ cột chồng với cột đơn, biểu đồ miền với biểu đồ đường.***

**\* Biểu đồ kết hợp: cột và đường**

**- Ý nghĩa:** Thể hiện hai đối tượng khác nhau

Ví dụ: Vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa hoặc biến động diện tích và sản lượng của một số loại cây trồng.

**- Cách vẽ:** Kết hợp cách vẽ cột và đường

**- Lưu ý:**

+ Trên trục ngang độ dài các vạch chia phải tương ứng tỉ lệ với các khoảng cách thời gian.

+ Khi vẽ biểu đồ cột, điểm chia khoảng cách thời gian là ở giữa của cột

* Ví dụ: Sản lượng than, dầu mỏ, điện nước ta và thu nhập du lịch…

Nói chung việc phân loại bài tập địa lí khá phức tạp đòi hỏi học sinh cần nắm vững: *đặc điểm, hình dạng đặc trưng của biểu đồ, ưu thế khi thể hiện, số liệu, các bước thực hiện khi vẽ để phù hợp với yêu cầu của đề ra*.

* **Lưu ý:** Phải ghi tên biểu đồ ở phía dưới, chú thích nên ghi bên phải biểu đồ.

**Phần 3:** **CÁC DẠNG BÀI TẬP VẼ BIỂU ĐỒ ( do GV biên soạn)**

**CHUYÊN ĐỀ 4: ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM**

Gồm các nội dung: - Cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Dân số và gia tăng dân số

- Phân bố dân cư và các loại hình quần cư, đô thị hóa

- Lao động việc làm, chất lượng cuộc sống

- Các bài tập trong chuyên đề 4

*Bước 1:* GV phát tài liệu cho HS ngay khi tiến hành bồi dưỡng cho HS tự nghiên cứu, vì phần này HS đang học trên lớp.

*Bước 2:* GV quy định thời gian cho các em tự ôn tập - Sau đó gửi tiếp cho các em tài liệu CÁC

*Bước 3*: GV yêu cầu HS về nhà trả lời các câu hỏi trong phần bài tập

Có hai cách yêu cầu HS làm BT :

* Cách 1: Yêu cầu HS trả lời miệng các câu hỏi lý thuyết như: câu 1,2,3,4... – Làm trên giấy các bài tập mang tính rèn kỹ năng như: câu 6,7,11,12...
* Cách 2: Có thể yêu cầu HS làm trên giấy từ câu 1 đến câu 10 và buổi học khác từ câu 10 đến câu cuối....

*Bước 4:* Sau khi yêu cầu HS làm bài tập ở nhà, buổi học đến GV kiểm tra sửa bài tập, cho các em chấm chéo... ghi điểm cho các em ở từng chuyên đề.

Bước 5: Cuối cùng khi kết thúc chuyên đề - GV cho HS làm bài kiểm tra và tổng kết điểm ở cả chuyên đề - Công bố điểm của từng em - Tuyên dương các em có nhiều nổ lực trong học tập. Việc làm này sẽ động viên và khích lệ các em rất nhiều .

* GV có thể tải nội dung chuyên đề này theo đường dẫn sau:

<https://drive.google.com/file/d/1JGRtu7TM7cgbDxO1hr9nKAfhdlWBkYdc/view?usp=sharing>

**CHUYÊN ĐỀ 5 : ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**

Gồm các nội dung: - Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam trong thời kì đổi mới

- Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

- Địa lí ngành công nghiệp

- Địa lí các ngành dịch vụ: Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương

mại, du lịch.

- Các bài tập trong chuyên đề 5.

Đối với chuyên đề này GV cũng tiến hành các bước tương tự như chuyên đề 4: Phát tài liệu cho HS tự ôn tập và sau đó cho HS làm bài tập.

GV hướng dẫn HS ôn tập chuyên đề này bằng cách cho HS nắm được qui trình khi học về một ngành kinh tế đó là:

* Tìm hiểu các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội thuận lợi và khó khăn của nước ta để phát triển ngành kinh tế đó
* Vai trò của mỗi ngành kinh tế - Cơ cấu của mỗi ngành - Sự phân bố của các ngành kinh tế -
* Mối quan hệ giữa các ngành kinh tế với nhau
* Nắm lại các kĩ năng cần phải rèn luyện trong phần Địa Lí các ngành kinh tế
* GV có thể tải nội dung chuyên đề này theo đường dẫn sau:

<https://drive.google.com/file/d/1PtfbqcKL9gM6rnGKxL-r2G-gOVKRmU3x/view?usp=sharing>

**CHUYÊN ĐỀ 6: ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ**

Bao gồm các nội dung: - Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Vùng Đồng bằng sông Hồng

- Vùng Bắc Trung Bộ

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Vùng Tây Nguyên

- Vùng Đông Nam Bộ

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Các câu hỏi và bài tập rèn kĩ năng ở mỗi vùng kinh tế

Mời quý Thầy Cô vào đường dẫn sau để xem tài liệu:

1/ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:

<https://drive.google.com/file/d/1VAfAQN5g-DQxofyyHLaaZXizTGztgEee/view?usp=sharing>

2/ Vùng Đồng bằng Sông Hồng:

<https://drive.google.com/file/d/1GQG7KkFhRY4lLhAa1h059eS__svJf3-_/view?usp=sharing>

3/ Vùng Bắc Trung Bộ

<https://drive.google.com/file/d/19PjNnVDpvvF0RBdJBzxEJZAFeMKUqi4_/view?usp=sharing>

4/ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

<https://drive.google.com/file/d/1jJFtIUlhLt4ft43UXqwmXJFTbPToKmNC/view?usp=sharing>

5/ Vùng Tây Nguyên

<https://drive.google.com/file/d/1luMuFJpacTBofO76s1ZSD6IKU4MWIZwZ/view?usp=sharingư>

6/ Vùng Đông Nam Bộ

<https://drive.google.com/file/d/1pxamDkVy7LKe6x8IlrIYoxUKXaA6jwzj/view?usp=sharing>

7/ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

<https://drive.google.com/file/d/1ixtccRp9hNuhXm218JwzTAqdWjxmTJQ5/view?usp=sharing>

Ở mỗi vùng kinh tế GV hướng dẫn HS nắm đặc điểm chung đó là:

* Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Vị trí của vùng có thuận lợi gì cho sự phát triển kinh tế xã hội của vùng
* Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đặc điểm dân cư xã hội của vùng có thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển kinh tế của mỗi vùng
* Tình hình phát triển kinh tế: các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ của từng vùng
* Các trung tâm kinh tế của mỗi vùng và vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm
* Các câu hỏi và bài tập rèn kĩ năng khi học về các vùng kinh tế

***III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:***

Kết quả đầu tiên là sau một thời gian bồi dưỡng thì chúng tôi nhận thấy các em đã tỏ thái độ yêu thích môn học hơn và tích cực làm các bài tập mà GV đã giao, đó là thành công lớn mà GV dạy BD rất tâm đắc.

Hiệu quả, chất lượng bộ môn ngày được nâng cao. Tuy nhiên, với vai trò là người giáo viên bồi dưỡng bản thân chưa thật sự hài lòng với kết quả trên vì tuy hàng năm có học sinh đạt giải cấp huyện, tỉnh nhưng số lượng học sinh đạt giải chưa nhiều, chưa thật sự khả quan như mong muốn. Do vậy, trong những năm học tiếp theo chúng tôi sẽ không ngừng tổng kết, rút kinh nghiệm, không ngừng học hỏi để công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ngày càng ổn định, phát triển theo hướng bền vững.

***C/- PHẦN KẾT LUẬN:***

Bồi dưỡng HSG là một trong các hoạt động chuyên môn vô cùng quan trọng, luôn được BGH các trường quan tâm. Đây cũng là áp lực của không ít GV các trường được phân công giảng dạy bồi dưỡng song chưa thành công, chưa đạt kết quả qua các kỳ thi HSG cấp Huyện và cấp tỉnh nhiều năm qua hoặc có kết quả song chưa ổn định, thiếu bền vững. Kết quả như vậy tất nhiên có rất nhiều nguyên nhân, trong đó chắc chắn có trách nhiệm, nguyên nhân chủ quan của GV bồi dưỡng.

Thành công hay thất bại đều có nguyên nhân của nó, cần rà soát, tìm hiểu để khắc phục. Từ những kết quả đã đạt được trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi những năm qua, bản thân tôi đúc kết được những kinh nghiệm sau:

- Thứ nhất, người giáo viên cần xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi vì qua kinh nghiệm bản thân thấy rằng: kế hoạch vừa là kim chỉ nam cho người giáo viên thực hiện, đồng thời vừa là động lực để người giáo viên phấn đấu tốt hơn trong quá trình bồi dưỡng. Hơn thế nữa, thông qua kế hoạch còn được lãnh đạo nhà trường kịp thời động viên, khuyến khích, tháo gỡ những khó khăn khi bồi dưỡng, và điều này đồng nghĩa với việc lãnh đạo nhà trường đã thể hiện sự quan tâm đến việc bồi dưỡng học sinh giỏi của giáo viên. Đây chính là tác động tích cực, tạo động lực - một trong những nguyên nhân dẫn đến thành công trong công tác bồi dưỡng HSG.

- Thứ hai, người giáo viên phải thật sự có tâm huyết với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.Từ sự tâm huyết, nhiệt tình đó người giáo viên mới có thể từng bước thực hiện công việc bồi dưỡng như: biên soạn tài liệu, chọn phương pháp bồi dưỡng hay san sẻ những khó khăn của học sinh trong quá trình bồi dưỡng (kể cả khó khăn từ phía gia đình, khó khăn trong học tập của các em) … chỉ có như thế mới mang lại thành công cho giáo viên bồi dưỡng.

- Thứ ba, người giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi phải có tinh thần tự học suốt đời, không ngừng tìm tòi, học tập, nghiên cứu tài liệu, cập nhật những kiến thức, thông tin trên tất cả các lĩnh vực qua báo, đài, Internet, thực tiễn cuộc sống … để phục vụ cho việc bồi dưỡng.

Với những kết quả trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi những năm qua đã mang lại nhiều ý nghĩa hữu ích, thiết thực cho bản thân nói riêng và cho học sinh, tổ chuyên môn, trường, ngành nói chung. Bản thân tôi không ngần ngại trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin, đặc biệt là tài liệu bồi dưỡng đến quý thầy, cô đồng nghiệp. Hy vọng chuyên đề này sẽ có ít, nhiều hữu ích đối với thầy, cô giáo trong công tác chuyên môn nói chung và bồi dưỡng HSG nói riêng.

Rất mong quý thầy, cô chân thành trao đổi, đóng góp ý kiến để nội dung chuyên đề được hoàn thiện viên mãn hơn ./.

.